

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-10-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khởi.

2. Ông Hoàng Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2018/TLST-HNGĐ ngày 27/8/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 24 ngày 09/10/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị N, sinh năm 1982; (xin xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 1 xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quang T, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm 4 thôn M, xã V, huyện T, Hải Dương.

3. *Người làm chứng:*

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn 1 xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Trần Quang T kết hôn ngày 29/11/2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống không hạnh phúc vì anh T mãi chơi và không chăm lo cho gia đình. Năm 2010, anh chị vào trong Gia Lai làm kinh tế và đã ở nhờ nhà của gia đình chị Nguyễn Thị H là họ hàng của anh T. Chị nghĩ với môi

trường sống mới, anh T sẽ cải sửa tính nết, nhưng thực tế lại không như vậy, anh T suốt ngày rượu chè, cờ bạc, không chịu làm ăn, ghen tuông vô cớ. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không thay đổi, lại còn thường xuyên đánh chửi chị. Vợ chồng chị hiện nay đang sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Công U, sinh ngày 17/8/2001 và Trần Công H, sinh ngày 23/10/2012. Hiện nay cả hai con chung đều đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nghề buôn bán, thu nhập trung bình một tháng là 10 triệu đồng

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần triệu tập bị đơn nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc và không có quan điểm gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Thông qua gia đình chị H nắm được trong thời gian vợ chồng chị N, anh T sống trong Gia Lai, anh T thường xuyên cờ bạc, rượu chè, không chịu làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Về con chung, đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng để đảm bảo cao nhất quyền lợi của con, vì hiện nay anh T không có nghề nghiệp ổn định, sức khỏe không tốt sau vụ tai nạn giao thông năm ngoái, trong khi bố anh T đã chết, còn mẹ anh thì già yếu.

* Lời khai của hàng xóm thể hiện: Sau khi cưới vợ chồng anh T, chị N sống ở Thanh Hà một thời gian dài sau đó vào Miền Nam sinh sống. Trong thời gian sống ở Thanh Hà, chị N, anh T cũng thường xuyên cãi chửi nhau. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi.

* Lời khai của chị Nguyễn Thị H xác định: Chị là em họ của anh T. Gia đình chị sống trong Gia Lai, năm 2010 vợ chồng anh T vào đó làm ăn và đã ở nhờ nhà của gia đình chị. Trong quá trình sống ở Gia Lai, anh T mải chơi, cờ bạc, rượu chè, ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh chửi chị N. Vợ chồng chị N hiện nay đã sống ly thân, anh T về Thanh Hà sinh sống, còn ba mẹ con chị N vẫn sống cùng gia đình chị. Mâu thuẫn vợ chồng chị N như vậy là rất trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nếu chị N được nuôi cả 02 con chung, chị đồng ý để ba mẹ con chị N ở nhờ đến bao giờ thì ở.

* Lời khai của cháu Trần Công U, cháu Trần Công H đều có nguyện vọng xin ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và

nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử chị N ly hôn anh T. Về con chung: Giao hai con chung là Trần Công U, sinh ngày 17/8/2001 và Trần Công H, sinh ngày 23/10/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt mà không có lý do chính đáng; những người làm chứng vắng mặt và đều có ý kiến đề nghị xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị N, anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, không đến tham gia phiên họp hòa giải và cũng không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật và thái độ không thiện chí đoàn tụ của anh T.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N, anh T đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc anh T mãi chơi, không chịu làm ăn và có những xử sự chưa phù hợp với chị N. Thực tế vợ chồng đang sống ly thân mỗi người một nơi; đến nay chị N không còn thương yêu, không còn tình cảm với anh T và kiên quyết xin ly hôn với anh làm cho quan hệ hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị N ly hôn anh T là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chị N, anh T có 02 con chung là Trần Công U, sinh ngày 17/8/2001 và Trần Công H, sinh ngày 23/10/2012. Xét chị N có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, trong khi anh T không có quan điểm gì về quan hệ con chung. Cháu U và cháu H đều nguyện vọng xin ở với mẹ. Mặt khác, chính quyền địa phương ý kiến đề nghị giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp

nuôi dưỡng vì anh T sức khỏe yếu, nghề nghiệp lại không ổn định. Thực tế hiện nay hai cháu vẫn đang ở với mẹ. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của các con và để ổn định cuộc sống cũng như đảm bảo cao nhất quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử thấy cần giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Bùi Thị N ly hôn anh Trần Quang T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Trần Công U, sinh ngày 17/8/2001 và Trần Công H, sinh ngày 23/10/2012 cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000208 ngày 27/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị N đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Vp, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung